

UNIT 1: **BACK TO SCHOOL**

I/ Vocabulary:

- parents (n) /'peərənt/ : Father and mother (ba mẹ)
- miss (v) /mɪs/ : nhớ
- still (adv) /stɪl/ : vẫn còn
- lots of /lɒtsəv/ (adj): nhiều
= a lot of, many, much : nhiều
- unhappy /ʌn'hæpi/ (adj): buồn, bất hạnh
- happy (adj): vui, hạnh phúc
- different + from /'dɪfrənt/ (adj): khác với
=> difference + between /'dɪfrəns/ (n)

Ex: My school is **different from** his school.

The **difference between** Mai and Hoa is character.

- The same as...(adj): giống

Ex: His bike is **the same as** mine.

- so (adv): cũng vậy
- lunchroom /'lʌntʃru:m/ (n): phòng ăn trưa
- just fine /dʒʌstfaɪn/ (adj): rất khỏe
= very well
- pretty /'prɪti/ (adv): khá, hơi
- pretty good /'prɪti gʊd/ (adj): khá khỏe/tốt
- be from (v): quê ở

Ex: She **is from** Nha Trang.

- family name /'fæməli neɪm/ : (**Pham** Thi Hoa) (tên họ)
- middle name /'mɪdl neɪm/ : (Pham **Thi** Hoa) (tên lót)
- first name /fɜːst neɪm/ : (Pham Thi **Hoa**) (tên riêng)
- full name /fʊl neɪm/ : (**Pham Thi Hoa**) (tên đầy đủ)
- address (n) /ə'dres/ : (địa chỉ)
- talk (v) /tɔːk/ : (nói chuyện)
- far (adj) /fɑː(r)/ # near /nɪə(r)/ (xa # gần)
- distance (n) /'dɪstəns/ : khoảng cách
- kilometer (n) /'kɪlə,mi:tə/ : km
- meter (n) /'mi:tə(r)/ : m
- movie theater (n) /'muːvi 'θiə.tər/ : rạp chiếu phim
- post office (n) /pəʊst 'ɒfɪs/ : bưu điện
- bus stop (n) /'bʌs stɒp/ : trạm xe buýt
- survey (n) /'sɜːveɪ/ : cuộc khảo sát
- survey form (n) /'sɜːveɪ fɔːm/ : mẫu khảo sát
- means (n) /miːnz/ : phương tiện

- transport (n) /'trænsɒ:t/ (n): sự chuyên chở
- means of transport (n): phương tiện chuyên chở
- distance (n) ['distəns] : khoảng cách

II/ Structures:

A. Indefinite quantifier (Từ chỉ số lượng)

Much + Uncountable Noun (danh từ không đếm được)

many + countable Noun (danh từ đếm được số nhiều)

(nhiều)

lots of + Countable Noun

a lot of + Countable Noun and uncountable noun

- “**Much, many**” thường được dùng trong câu phủ định và nghi vấn.

Ex: Hurry up! We don't have **much** time.

Do you have **many** friends?

-“**Lots of, a lot of**” thường được dùng trong câu khẳng định.

Ex: She has **a lot of** friends in Hue.

He plays **lots of** games.

B. Comparative (so sánh hơn)

+) **Short adjectives** (tính từ ngắn)

S + be + **short adjective** + **er** + **than** + Noun/ pronoun

Eg: She is taller than me

+) **Long adjective** (tính từ dài)

S+ be + **more** + **long adjective** + **than** + noun/ pronoun

Ex: His watch is more expensive than mine

Một số trường hợp ngoại lệ

good	better
------	--------

bad	worse
little	Less
many/ much	more
far	farther/ further

C. TOO/ SO (cũng thế): Too, So là trạng từ biểu lộ sự đồng tình trong câu khẳng định.

- **Too** được viết ở cuối câu, sau dấu phẩy.

Ex: -He is a student.

I'm, too.

-She reads a newspaper.

They do, too.

-**So** được viết ở đầu câu và sau “so” phải là dạng đảo ngữ (động từ “be” hoặc trợ động từ được đưa lên trước chủ ngữ).

Ex: - She is a good student.

So is she.

-He must get up early.

So must he.

Note: can, must, should được xem như là một trợ từ (aux. verb)

D/ Question words (một số từ để hỏi)

- What : gì, cái gì?
- Where : ở đâu?
- How : như thế nào?
- When : khi nào?
- Which : người hoặc vật nào?
- Why : tại sao?
- Whose : của ai?

E/ Cấu trúc thông dụng của các từ để hỏi:

- Hỏi địa chỉ nhà

Ex: Where do you live? = What is your address?

WHERE DO/DOES + S + LIVE => WHAT IS TÍNH TỪ SỞ HỮU + ADDRESS?

=> I live at 12 Tran Hung Dao Street.

+ at: chỉ địa chỉ cụ thể (số nhà, tên đường), giờ

+ in: thành phố, đất nước, năm mùa...

+ on: tên đường, the bus, ngày, ngày tháng

- Hỏi tên/ họ

Ex: What is your family name?

=> My family name is Pham.

- Hỏi và trả lời khoảng cách từ 1 nơi này đến nơi khác

- How far : xa như thế nào?

How far is it + from +(place1)+ to (place2) ?

=> **What's the distance** between place 1 and place 2?

It's + about + distance(meter(s)/kilometer(s))

Ex: How far is it from your house to school?

=> It's about 3 kilometers.

- Hỏi và trả lời về tuổi tác

How old + be + S = What is + tính từ sở hữu + age?

Ex: How old are you? => What is your age?

F/ PRESENT SIMPLE TENSE

• **Affirmative**

Subject + verb (s/es)

Ex. Mai goes to school on foot.

They do their homework every evening.

• **Negative**

Subject + do/does + not + verb(ing.)

Ex. Mai doesn't go to school on foot.

They don't do their homework every evening.

• Interrogative

Do/ Does + Subject + Verb (inf.)?

Ex. Does Mai go to school on foot?

Do they do their homework every evening?

How to use the Simple Present Tense (Cách sử dụng thì hiện tại đơn)

-Diễn đạt một thói quen hoặc hành động lặp đi lặp lại trong hiện tại

I usually go to bed at 11 p.m.

My mother always gets up early.

-Diễn đạt chân lý, sự thật hiển nhiên

The earth moves around the sun.

The sun rises in the East

UNIT 1: BACK TO SCHOOL

I. PRONUNCIATION

Choose the word whose main stress pattern is not the same as that of the others

- | | | | | |
|------------------|--------------|--------------|-----------------|-------|
| 1. A. party | B. favorite | C. delicious | D. comfortable | |
| 2. A. chemistry | B. uniform | C. distance | D. address | |
| 3. A. volleyball | B. factory | C. museum | D. temple | |
| 4. A. amazing | B. routine | C. stadium | D. between | |
| 5. A. dangerous | B. difficult | C. market | D. intersection | |
| 6. A. different | B. empty | C. pretty | D. pollution | |
| 7. A. pagoda | B. vacation | C. badminton | D. potato | |
| 8. A. cabbage | B. visit | C. apartment | D. finish | |
| 9. A. appear | B. birthday. | C. invite | D. behind | |
| 10. A. moment | B. geography | C. hospital | D. calendar | |

II. MULTIPLE CHOICE

- Every day he the bus to work.
A. has B. comes C. catches D. goes
- Her of birth is on July 2nd
A. day B. date C. place D. name
- Hoa doesn't have friends in Ha Noi.
A. any B. some C. much D. none is correct
- My grandmother loves She plants flowers and vegetables in the small garden behind her house.
A. listening B. climbing C. fishing D. gardening

5. My sister likes because she can play in the water and keep fit
A. collecting B. shopping C. dancing D. swimming
6. Would you like to come to Lan's house? -
A. Yes, I do B. I'd love to C. Yes, I like D. OK. I'd like
7. Mr Brown reading books a lot because he finds this hobby interesting.
A. enjoy B. don't enjoy C. enjoys D. doesn't enjoys
8. is it from your house to your school? About 5 km.
A. How long B. How C. How far D. How many
9. Jennifer lives in New York but her parents in Washington.
A. still live B. live still C. lives D. living
10. Her home is 19 Tran Hung Dao Street.
A. Address B. ID number C. nick name D. telephone number
11. Mr Long is a teacher and
A. Am I, so B. So you are C. Are you, too D. I am, too
12. Look! The bus
A. coming B. come C. comes D. is coming
13. My new school is my old school
A. bigger and more beautiful than B. more big and more beautiful than
C. bigger and beautifuler than D. more big and more beautifuler than
14. Jane and I are the same class school.
A. at/at B. in/in C. in/at D. on/at
15. How far is it from Hoa's house to school, Mai?
A. yes, it is about 1 km B. it is not very far, about 200 m.
C. it about 1 km D. No, it isn't very far
16. too meet you, Hoa.
A. Please B. Pleased C. I'm please D. All are correct
17. Hoa is because she doesn't know anyone here.
A. Worried B. sad C. unhappy D. All are correct
18. Basketball is different football.
A. with B. off C. for D. from
19. When I am free, I always help my Mom the housework.
A. With B. for C. about D. on
20. Mr Jame can't see you now. He's busy
A. out B. not at home C. not free D. sick

IV. CAUTION SIGNS – WARNINGS (0.5 pt).

1. This sign means

- A. Children are playing so drivers have to stop.
- B. Children have to go to school.
- C. Drivers need to drive slowly near a school
- D. Be careful when driving a student.



2. This sign means

- a. Caution! Angry dog
- b. Caution! Wet floor
- c. Caution! Wild animals
- d. Caution! Chemical



3. This sign means

- A. Stop staring at other students at school.
- B. Students must not hurt others at school.
- C. Teachers must not punish students at school.
- D. Students must do their homework before school.



4. This sign means

- A. Only students can park their bikes here.
- B. Only teachers can put their vehicles here.
- C. Parents can pick up their children here.
- D. School staff can park their vehicles here.



5. This sign means

- A. You should not say bad words at school.
- B. You can smoke outside school.
- C. You must not burn anything here.
- D. You are not allowed to smoke at school.



III. CLOZE TEXTS

Passage 1

Hoa is a new student in class 7A. Her parents (1).....in Hue, and she lives (2).....her uncle and aunt in Ha Noi. Hoa (3)..... a lot of friends in Hue, but she doesn't have(4)..... friends in Ha Noi. Many things are different. Her new school is (5)..... than her old school. Her new school has lots of students. Hoa is unhappy (6) she misses her parents and her friends.

- | | | | |
|--------------|-----------|------------|-----------|
| 1.A. to live | B. live | C. lives | D. living |
| 2.A. with | B. and | C. but | D. of |
| 3.A. have | B. has | C. having | D. is |
| 4.A. much | B. many | C. any | D. some |
| 5.A. big | B. bigger | C. biggest | D. bigger |
| 6.A. so | B. but | C. because | D.as |

Passage 2

Hello, I am Tam and this is Minh. Minh is a good student (1).....he always learns hard and well. Every day, he goes to school in the morning, then he (2).....his homework and the housework in the afternoon, and watches TV or reads books in the (3)..... He also takes part in (4).....activities after school hours such as sports, music,... He is a member of his school sports team and he is also a member of (5)..... class theater group. He is very good (6)..... swimming and he often goes swimming with his father and brother.

- | | | | |
|-----------------|------------|--------------|----------------|
| 1. A. so | B. because | C. but | D. however |
| 2. A. do | B. does | C. will do | D. is doing |
| 3. A. night | B. morning | C. afternoon | D. evening |
| 4. A. different | B. amazing | C. difficult | D. comfortable |
| 5. A. my | B. his | C. their | D. her |
| 6. A. in | B. for | C. of | D. at |

Passage 3

My teacher, Miss Green, is a young lady of twenty-five. She is a pretty woman. She loves her pupils (1) She never gets angry with them. Miss Green (2) teaching her pupils. Sometimes she tells (3) many interesting stories. I like to listen to her stories

(4) they all help us to learn some (5) lessons. Sometimes she takes us out (6) a picnic.

Whenever she takes us out, she tries to teach us something new. It is my dream that when I grow up I can become a good teacher like her.

- | | | | |
|-----------------|--------------|-----------|-------------|
| 1. a. very many | b. very much | c. too | d. so |
| 2. a. enjoy | b. enjoying | c. enjoys | d. to enjoy |
| 3. a. we | b. they | c. I | d. us |
| 4. a. because | b. when | c. where | d. and |
| 5. a. use | b. useful | c. using | d. to use |
| 6. a. from | b. by | c. for | d. of |

IV. READING COMPREHENSION

Passage 1

Lan is a new student in class 7C at Ly Thuong Kiet school. She is from Bien Hoa and her parents still live there. She lives with her uncle and aunt in Ho Chi Minh City.

Her new school in Ho Chi Minh City is different from her old school. Her new school has a lot of students and teachers. **It** is very large with many trees in the school yard. Her old school doesn't have many students and trees. Lan has many new friends in her class and in her school. She is very happy.

1. Lan comes from Ho Chi Minh City.
2. Her new school is dissimilar to her old one.
3. There are not many students in her old school.
4. Lan doesn't have many new friends in her new school.
5. The main topic is
a. Lan's daily life b. Lan's new school c. Lan's school life d. Lan's family
6. The word '**it**' in line 5 refers to:
a. Lan b. her new school c. the school yard d. her old school

Passage 2

Hi! I am Hoa. My family name's Nguyen. I will be 13 next year. I live with my family in a small village in Ha Noi. My parents are workers and they work in a factory. Every day, they go to work early in the morning and come back home late in the afternoon. They go to work by motorbike. My school is not far from my house, about one kilometer so I often go to school on foot. I hope my parents will give me a bike on my next birthday. In my free time, I like reading books and listening to music. Sometimes, I go shopping for my mother. I have an elder sister. She is Lan and she learns at Ha Noi National University.

1. Hoa is at the age of 13 now.
2. Her mother works as a nurse in a local hospital.
3. Her parents ride a motorbike to work.
4. Her parents will give Hoa a doll on her next birthday.
5. The main topic is _____.
a. Lan and her family b. Lan's activities in a day
c. Her parents' jobs d. Her school
6. The word 'elder' means _____.
a. younger b. bigger c. older d. better

V. WORD FORM:

1. Most of the students likecomics. (READ)
2. The schools in the city are than the ones in the country. (GOOD)
3. She a meeting tonight.(HAVE)
4. Lien is because she misses her parents very much .(HAPPY)
5. There is a big TV set in my room. (LIVE)
6. Tu Hieu is one of the pagodas in Hue. (OLD)
7. California is the largest state in USA. (THREE)
8. water puppet shows are very famous. (VIETNAM)
9. Nam and Lan would like to visit manyplaces. (DIFFER)
10. It's such a day! Will we visit our grandparents? (BEAUTY)

VI. WRITE

A. Rearrangement

1. school / How/ does / go /often / to / your sister/ ?
⇒ How
2. going to / We / are / visit / Hue / next Sunday / ?
⇒ we
3. travelling / What about / Xa Nu Forest / through/ together/ ?
⇒ What
4. is / her old school / bigger than / Her new school / ?
⇒ Her new
5. because she / Hoa / unhappy / is / and / misses her parents/ her friends
⇒ Hoa

B. Transformation

1. I am hungry. Lan is hungry.
⇒ I am hungry. _____ Lan.
2. I like tennis. She likes tennis.
⇒ I like tennis _____ she.
3. I am interested in watching TV. They are interested in watching TV.
⇒ I am interested in watching TV and they _____.
4. They can swim. She can swim.
⇒ They can swim and _____. (use "too")
5. We will eat out. They will eat out.
⇒ We will eat out and _____. (use "so")
6. You are taller than me.
⇒ I am _____.
7. The blue dress is cheaper than the red one.
⇒ The red dress is _____.
8. This book is more interesting than that book.
⇒ That book _____.
9. I am fine, thank you.
⇒ I _____.
10. How old are you?

⇒ What _____?

12. Where do you live?

⇒ What _____?

13. What is Minh's address?

⇒ Where _____?

14. What is her surname?

⇒ What is _____?

15. How far is it from his school to the bus stop?

⇒ What _____?

16. What is the distance between your school and your house?

⇒ How far _____?

VII. Tenses

1. Hoa (have) _____ a lot of friends in Hue.

2. She (be) _____ unhappy now. She (miss) _____ her parents in Ha Noi

3. _____ Hoa (talk) _____ to Miss Lien at the moment?

4. (you be) _____ a new student? – Yes, I (be) _____ in class 7B

5. Hoa's old school (be) _____ small. It (not have) _____ many students.

6. I (walk) _____ to school every day, but today I (ride) _____ my bike to school.

7. We (not go) _____ to class on Sunday,

8. Where _____ Hoa's parents (live) _____?

9. We often (play) _____ tennis in the afternoon.

10. (you be) _____ free next Sunday? No, I (do) _____ my homework.